

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

=====

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH

Khánh Hòa, tháng 8 năm 2017

| | |
|--|-----------|
| Điều 23. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | 21 |
| Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông | 22 |
| Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông..... | 24 |
| Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông và hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | 25 |
| MỤC VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... | 25 |
| Điều 27: Số lượng và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị | 25 |
| Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị: | 26 |
| Điều 29. Hội đồng quản trị | 27 |
| Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị..... | 28 |
| Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị | 30 |
| MỤC VIII: GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC..... | 33 |
| Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý | 33 |
| Điều 33. Cán bộ quản lý..... | 33 |
| Điều 34. Giám đốc Công ty | 34 |
| Điều 35. Phó Giám đốc | 35 |
| Điều 36. Kế Toán trưởng | 35 |
| Điều 37. Thư ký Công ty | 35 |
| MỤC IX: BAN KIỂM SOÁT | 36 |
| Điều 38. Ban kiểm soát | 36 |
| Điều 39. Kiểm soát viên..... | 38 |
| Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát..... | 39 |
| MỤC X: NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC | 39 |
| Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng | 39 |
| Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi | 39 |
| Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường | 41 |
| MỤC XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY | 41 |
| Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ..... | 41 |
| MỤC XII: THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT VIÊN..... | 42 |
| Điều 45. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc | 42 |
| Điều 46. Thù lao và lợi ích khác của kiểm soát viên | 43 |

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung lần thứ sáu theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, được thông qua theo Nghị quyết số 100/NQ-ĐHĐCĐ/CIAS của Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (Công ty CIAS) ngày 19/8/2017 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty CIAS số 101/QĐ-HĐQT/CIAS ngày 22/8/2017.

MỤC I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) "**Điều lệ này**" hay "**Điều lệ Công ty**" là Điều lệ của Công ty cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh;
 - b) "**Vốn điều lệ**" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;
 - c) "**Luật Doanh nghiệp**" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - d) "**Ngày thành lập**" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
 - e) "**Cán bộ quản lý**" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
 - f) "**Người có liên quan**" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
 - g) "**Thời hạn hoạt động**" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này.
 - h) "**Việt Nam**" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

MỤC III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là các lĩnh vực mà pháp luật không cấm kinh doanh, trong đó tập trung vào hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không (kinh doanh hàng miễn thuế, dịch vụ phục vụ khách đi máy bay của các hàng hàng không trong nước và quốc tế...), dịch vụ phi hàng không (nhà hàng, bán lẻ hàng hóa, khách sạn, thương mại...). Chi tiết ngành nghề kinh doanh nêu tại Phụ lục đính kèm Điều lệ này và công bố tại cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động vốn và sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong việc sản xuất kinh doanh; nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập cho người lao động và đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế-xã hội

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

MỤC IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông

1. Vốn điều lệ: **80.000.000.000 đồng** (Tám mươi tỷ đồng chẵn)
 - Số cổ phần: **8.000.000** cổ phần (Tám triệu cổ phần)
 - Loại cổ phần: phổ thông.
 - Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 15 của Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ

- b) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - e) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
 - f) Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
 - g) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
 - h) Các nội dung khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in cổ phiếu.
 3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.
 4. Trường hợp cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần, chịu trách nhiệm về những tranh chấp và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Cổ đông đề nghị cấp chứng chỉ cổ phần mới phải cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Công ty về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phần mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, Quy chế hoặc Quy định của Công ty về việc chào bán và chuyển nhượng cổ phần hoặc phương án phát hành cổ phần của Công ty trong từng thời kỳ hoặc pháp luật có quy định khác. Cổ phần niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền

Điều 11. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phần gây ra đối với Công ty.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 12. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 131 của Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 13. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định tại khoản 1 Điều 112 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó theo lãi suất cho vay ngắn hạn trung bình của các ngân hàng: Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. Cổ phần

- đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau đây:
- a) Đề cử người tham gia vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
 - (i) Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - (ii) Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - (iii) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
 - d) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 17. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Thông qua định hướng phát triển, kế hoạch kinh doanh dài hạn của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu để huy động vốn;
 - d) Quyết định đầu tư, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - f) Quyết định tổng mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - g) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - h) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - i) Quyết định mua lại trên 10% số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - j) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - k) Quyết định Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằ ng hoặc lờ n hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - l) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Thông qua các hợp đồng khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 18. Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

6. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

7. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội cổ đông. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 7 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh và quy định tại Điều lệ này;
 - h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 19. Thực hiện quyền dự họp đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự họp, uỷ quyền cho một người khác dự họp, hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp.
2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc hoặc địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông; thời gian và địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi tới Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
 - a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định trong từng thời kỳ.
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Trường hợp tất cả các cổ đông đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ 3 trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa tiến hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
8. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết hợp lý để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự theo đúng chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
 - a) Yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý.
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trực xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Thông qua định hướng phát triển công ty;
 - b) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - c) Tổ chức lại, giải thể công ty.
3. Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp thì:
 - a) Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc:
 - Loại cổ phần và số lượng cổ phần của từng loại;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty;
 - Tổ chức lại, giải thể Công ty;được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
 - b) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông cá nhân, người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu với thành phần gồm Thư ký Công ty và tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị; lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc tối thiểu 01 cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Các vấn đề đã được thông qua;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông theo cách thức và thời hạn như gửi nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 6 Điều 23 Điều lệ này.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông và hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
 - b) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
 - c) Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

MỤC VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27: Số lượng và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là (5) người. Số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị có thể là thành viên kiêm nhiệm.
2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành

2. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
3. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
4. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.

Điều 29. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b) Quyết định cơ cấu tổ chức Công ty;
 - c) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - d) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - e) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
 - g) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với Hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 17 Điều lệ này;
 - h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, cán bộ quản lý từ cấp trưởng phòng hoặc tương đương trở lên; quyết định tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc và Phó giám đốc; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên/ Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập

- b) Thường xuyên giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công việc kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - c) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - d) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - e) Theo dõi, đôn đốc các thành viên Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản trị của Công ty;
 - f) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - g) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - h) Thay mặt Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị ký ban hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị hoặc các văn bản dưới hình thức khác;
 - i) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - j) Chủ tịch Hội đồng quản trị được hưởng lương và các chế độ, quyền lợi do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
 - k) Quyết định các vấn đề sau đây nhưng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị biết về những quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị phiên gần nhất:
 - Quyết định về việc thành lập, thay đổi hoặc giải thể các bộ phận giúp việc hỗ trợ cho Hội đồng quản trị, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi nhân sự các bộ phận này;
 - Thay mặt Hội đồng quản trị ký, sửa đổi, bổ sung hoặc thanh lý hợp đồng lao động với Giám đốc (nếu Giám đốc là người được Hội đồng quản trị thuê giữ chức vụ này);
 - Thực hiện các công việc theo sự ủy quyền của Hội đồng quản trị vào từng thời điểm;
 - Liên quan đến dự án hoặc gói thầu thuộc dự án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, được quyết định kế hoạch đấu thầu, dự toán, hồ sơ mời thầu (bao gồm cả tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu), kết quả đấu thầu, phê duyệt nhà thầu, quyết toán và các công việc khác có liên quan.
 - l) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

đại diện (người được uỷ quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Chương trình họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị lập và thông báo tới các thành viên trước khi tổ chức họp theo quy định tại khoản 7 Điều này. Theo ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị, tại cuộc họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bổ sung chương trình họp Hội đồng quản trị.
10. Biểu quyết thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định với hình thức tổ chức họp trực tiếp, họp trực tuyến, họp qua điện thoại hoặc lấy ý kiến của các thành viên bằng văn bản.
 - a) Trừ quy định tại điểm b khoản 10 Điều này mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c) Theo quy định tại điểm d khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho Chủ toạ cuộc họp quyết định. Phán quyết của Chủ toạ liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 45 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

16. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra và các quy định của pháp luật. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết là thành viên Hội đồng quản trị.
17. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót về hình thức, thủ tục.
18. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

MỤC VIII: GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc, các Phó Giám đốc và một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác từ cấp Trưởng phòng hoặc tương đương trở lên do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp pháp.

Điều 33. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tuỳ từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cảm cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

- 1) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, các quy định nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động giữa Công ty với Giám đốc và pháp luật.
5. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
6. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bỏ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.

Điều 35. Phó Giám đốc

1. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Phó Giám đốc không quá ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế;
2. Phó Giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn:
 - a) Giúp việc Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - b) Thực hiện các nhiệm vụ điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty trong thời gian Giám đốc vắng mặt theo ủy quyền của Giám đốc;
 - c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc phân công trong từng thời kỳ.

Điều 36. Kế Toán trưởng

1. Kế toán trưởng là người giúp Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê của Công ty theo quy định của pháp luật. Kế Toán trưởng có các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm với nhiệm kỳ không quá ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 37. Thư ký Công ty

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc tuyển dụng một (01)/ nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
3. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký công ty bao gồm:
 - Hỗ trợ Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng quản trị, tham dự và ghi chép biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty;

- g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - i) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;
 - j) Có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - k) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - l) Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan;
 - m) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - n) Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;
 - o) Thảo luận với kiểm toán viên về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ hoặc báo cáo tài chính hằng năm;
 - p) Được thông báo ý kiến của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc Công ty;
 - q) Được thông báo kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của người quản lý Công ty;
 - r) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật;
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Kiểm soát viên được quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ; được nhận thông báo mời họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông và các tài liệu họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; được nhận các nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và các báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị.
 3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.
 4. Mức thù lao của các kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên

- d) Kiểm soát viên đó bị cách chức kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
6. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của luật này và điều lệ Công ty;
 - c) Theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát

1. Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp.
2. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Triệu tập cuộc họp, chuẩn bị nội dung, chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát;
 - d) Xây dựng kế hoạch hành động và phân công nhiệm vụ cho các thành viên khác; giám sát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Ban kiểm soát.
 - e) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
 - f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

MỤC X: NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc và cán bộ quản lý khác không

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện

- d) quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
 - e) Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị nắm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
 - f) Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.
3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 46. Thù lao và lợi ích khác của kiểm soát viên

Thù lao và lợi ích khác của kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

- 1. Kiểm soát viên được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát;
- 2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
- 3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty

MỤC XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

- 1. Đại hội đồng cổ đông quyết định kế hoạch phân phối lợi nhuận, mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
- 2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của

Điều 50. Trích lập các quỹ

Việc lập các quỹ theo quy định của pháp luật. Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, lợi nhuận được phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do HĐQT đề xuất, bao gồm các Quỹ dưới đây:

1. Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban Điều hành;
2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
3. Quỹ khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định tuỳ thuộc vào tình hình kinh doanh và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 51. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 52. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập các báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán như Điều 57 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm:
 - a) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - b) Bản cân đối kế toán;
 - c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - d) Thuyết minh báo cáo tài chính;
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (khi công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- (ii) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục;
 - (iii) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- b) Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Thủ tục giải thể Công ty: Việc giải thể Công ty được thực hiện theo quy định sau đây:
- a) Thông qua quyết định giải thể Công ty. Quyết định giải thể Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - (ii) Lý do giải thể;
 - (iii) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá sáu (06) tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;
 - (iv) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
 - (v) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - b) Đại hội đồng cổ đông quyết định việc Hội đồng Quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản của Công ty hoặc thành lập Ban thanh lý để thực hiện việc thanh lý tài sản của Công ty.
 - c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong Công ty và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và Chi nhánh của Công ty.

Quyết định giải thể Công ty phải được đăng ít nhất trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba (03) sổ liên tiếp nếu pháp luật có yêu cầu.

Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

- d) Các khoản nợ của Công ty được thanh toán theo thứ tự sau đây:

- (i) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- (ii) Nợ thuế và các khoản nợ khác.

Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể Công ty, phần còn lại thuộc các cổ đông và được phân chia theo tỷ lệ cổ phần mà họ nắm

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- e) Các khoản nợ khác của Công ty;
- f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

MỤC XVI: NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, hay cán bộ quản lý cao cấp,

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu một Văn phòng luật sư, chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

Điều 60. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

PHỤ LỤC
**CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH
 VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH**

(*Phụ lục này kèm theo Điều lệ của Công ty được thông qua theo Nghị quyết số 100/NQ-DHĐCD/CIAS của Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (Công ty CIAS) ngày 19/8/2017 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty CIAS số 101/QĐ-HĐQT/CIAS ngày 22/8/2017*)

| STT | TÊN NGÀNH | MÃ NGÀNH |
|-----|--|----------|
| 1 | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác | 4520 |
| 2 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản - Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở | 6810 |
| 3 | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh | 4764 |
| 4 | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ giày dép trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh | 4771 |
| 5 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải | 5229 |
| 6 | Vận tải bằng xe buýt | 4920 |
| 7 | Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Đại lý vận tải bằng đường bộ, vận tải hành khách du lịch, vận tải hành khách theo tuyến cố định theo hợp đồng bằng xe taxi, xe buýt | 4931 |
| 8 | Vận tải hành khách bằng đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh. Vận tải hành khách đường bộ | 4932 |

| STT | TÊN NGÀNH | MÃ NGÀNH |
|-----|---|----------|
| 18 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê nhà có trang bị kỹ thuật đặc biệt (phòng hòa nhạc, nhà hát, hội trường, phòng cưới, trường quay, rạp chiếu phim); Máy móc thiết bị công trình. | 7730 |
| 19 | Thu gom rác thải không độc hại | 3811 |
| 20 | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (Không hoạt động tại trụ sở) | 1075 |
| 21 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ trông giữ xe ô tô, xe máy, xe đạp | 8299 |
| 22 | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Không hoạt động tại trụ sở) | 1104 |
| 23 | Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Đại lý cấp đổi ngoại tệ | 6492 |
| 24 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày | 5510 |